

BỒ TÁT ĐỊA TẠNG
Vị Bồ Tát Bảo Vệ Trẻ Con
trong Truyền Thống Phật Giáo Nhật Bản (*).
Tâm Hà Lê Công Đa

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 6-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

1. Theo Dấu Chân của Bồ Tát Địa Tạng
2. Bồ Tát Địa Tạng, Người Bảo Vệ Trẻ Con
3. Bồ Tát Địa Tạng: Vì hạnh phúc của trẻ thơ!

---o0o---

*Khi mùa Xuân tới
Cây lá đâm chồi
Hoa nở thắm tươi
Nhưng những trẻ thơ
Như lá rụng rơi
Trong mùa Thu qua
Không hề trở lại*

RYOKAN (1)

(Cho các bé thơ
đã bỏ mình trong bệnh dịch đậu mùa)

---o0o---

1. Theo Dấu Chân của Bồ Tát Địa Tạng

Từ trước đến nay, những khuynh hướng bài bác Đại Thừa -cả trong lẫn ngoài Phật giáo- thường cho rằng kinh điển Đại Thừa là ngụy tạo, từ đó họ cũng hạ bệ luôn tất cả những vị Bồ Tát đã được quần chúng Phật tử lâu đời tôn thờ kính ngưỡng -đặc biệt là Bồ Tát Địa Tạng- coi đó như là những nhân vật hư cấu, sản phẩm của đầu óc tưởng tượng phong phú của người Trung

Hoa. Tuy nhiên các học giả nghiên cứu về Phật giáo cổ Ấn Độ hồi gần đây đã xác định rằng tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng (Kshitigarbha) đã được khai sinh tại Ấn Độ rất lâu đời, có thể là vào khoảng đầu thế kỷ thứ nhất hoặc thứ hai sau công nguyên (C.E.), cùng một lúc với sự phát triển mạnh mẽ của khuynh hướng Phật giáo Đại Thừa, (2) mà bằng chứng cụ thể là Bồ Tát Địa Tạng và những kinh sách liên quan về Ngài đã được đưa vào chương trình học tập, nghiên cứu tại Đại học cổ điển Phật giáo nổi tiếng Nalanda xứ Ma Kiệt Đà.

Khi Phật giáo bắt đầu được du nhập vào vùng Trung Á, vào khoảng năm 140 C.E., và trạm dừng chân đầu tiên của bánh xe Pháp là Turkestan, tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng cũng theo bước chân của những tăng đoàn truyền giáo du nhập vào vùng này thông qua “Con Đường Lụa” nổi tiếng trong lịch sử. “Con Đường Lụa” như mọi người đều biết, dài trên hai ngàn dặm từ Ấn Độ vào Trung Hoa đi xuyên qua những địa thế rất gian nan hiểm trở, với những vùng khí hậu khắc nghiệt của cả núi cao lẫn sa mạc, thêm vào đó những vùng biên địa giữa những tiểu quốc lại đầy rẫy những thú dữ và những băng đảng cướp của giết người cũng như những bộ lạc còn rất dã man. Rất nhiều những kẻ lữ hành -kể cả các tăng sĩ truyền giáo- đã phải bỏ mạng trên đoạn đường này, đến độ theo du ký của những khách hành hương trong tinh thần “Nhập Trúc cầu Pháp” còn để lại, những bộ xương khô rải rác ở bên đường dọc theo sa mạc đã được dùng như là những dấu mốc cho kẻ lữ hành cho biết là họ đang đi đúng hướng. Đối diện với những nỗi hiểm nguy lớn lao như thế, việc tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng như là vị Bồ Tát bảo vệ kẻ lữ hành là một điều dễ hiểu nếu không nói là một nhu cầu hiện thực, vì như trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, Phật thuyết:

“Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ Tát! Về đời sau nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc nhơn sự làm ăn, hoặc nhơn sự công chuyện tư, hoặc nhơn sự sanh cùng tử, hoặc nhơn việc gáp mà phải vào trong rừng núi, hay là qua sông vượt biển, hoặc gáp nước lụt lớn, hoặc đi ngang đường hiểm trở. Người ấy trước khi đi nên niệm danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ Tát một muôn biến, được thế thời đi qua nơi chốn nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ, lúc đi đứng, khi nằm ngồi, đều được an ổn vui vẻ luôn, cho đến dầu gặp loài hùm sói sư tử... nhưng tất cả thứ độc hại đều không thể phạm đến người đó được.” (3)

Hàng ngàn hình tượng Bồ Tát Địa Tạng được tôn thờ trong những hang động tại vùng Lung-Men và Tun-huang, Turkestan trong khu vực được gọi là Vạn Phật đã nói lên niềm tin tưởng của dân chúng địa phương về sự hộ trì của Bồ Tát Địa Tạng đối với khách lữ hành và là một bằng chứng sống động

cho thấy rằng Bồ Tát Địa Tạng không phải là sản phẩm hư cấu của người Trung Hoa.

Từ cửa ngõ Turkestan, Phật giáo được du nhập vào Trung quốc và chỉ trong vòng vài thế kỷ sau, khoảng năm 400 C.E ,Phật giáo coi như đã hoàn toàn hội nhập vào vùng đất mới. Tại đây cây Bồ Đề đã bắt đầu bám rễ một cách vững chắc góp phần vào việc phát triển một nền văn hoá Trung Hoa đa dạng, phong phú và rực rỡ. Đồng thời tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng cũng đã bộc phát mạnh mẽ trong khoảng thời gian từ giữa cho đến cuối niên kỷ 500 C.E. do niềm tin của một giáo phái Phật giáo, “Tam Giai Giáo” (4), cho rằng, theo kinh Phật, đây là thời kỳ Mạt Pháp, và trong giai đoạn này việc thờ phượng Bồ Tát Địa Tạng là thích hợp nhất. Tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng đạt lên đến đỉnh cao khi người Trung Hoa chọn ngọn núi Cửu Hoa Sơn làm nơi trụ tích của Bồ Tát mà theo truyền tích còn để lại thì Bồ Tát đã hóa thân thành một nhà sư Triều Tiên đến Trung Hoa hoằng pháp và liễu đạo tại đây.

Từ Trung Hoa, Phật giáo cùng với tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng bắt đầu du nhập vào Nhật Bản thông qua cửa ngõ Triều Tiên vào khoảng thế kỷ thứ Năm hoặc thứ Sáu C.E. Nhật Bản lúc bấy giờ so với Trung Hoa và ngay cả Triều Tiên, là một quốc gia còn ở trong tình trạng bán khai, lạc hậu. Bị hăm dọa thường trực bởi nạn động đất và núi lửa, dân chúng Nhật Bản đa phần sống dưới những túp lều tranh đơn sơ trong những ngôi làng bé nhỏ nghèo nàn, cai quản bởi những lãnh chúa địa phương. Họ chưa có thành thị, hệ thống tiền tệ, chữ viết, không trường học và bất cứ một nghi thức tôn giáo nào. Tuy nhiên Phật giáo đến với Nhật Bản không phải là để lấp chỗ trống tôn giáo này, vì dân Nhật vẫn có những tín ngưỡng đa thần cổ sơ, thờ cúng ông bà và tôn sùng Thần Đạo. Ngược lại, Phật giáo đến với Nhật Bản như là biểu trưng của một nền văn minh Trung Hoa đã chín mùi, đầy sức thu hút và quyến rũ. Hơn thế nữa Phật giáo còn mang đến cho Nhật Bản những vị Bồ Tát rất gần gũi với những nhu cầu của cuộc sống đời thường, mà cụ thể là Bồ Tát Địa Tạng. Nếu như người Nhật trước đây tôn sùng Thần Đạo, đã từng quen thuộc với những ông thần Núi, thần Sông, thì nay, Bồ Tát Địa Tạng -như tên gọi của Ngài- trong cảm quan người Nhật chẳng khác gì một ông thần Đất thiết thân và gần bó. Trong một sớm một chiều, hình ảnh của Bồ Tát Địa Tạng đã lần hồi chiếm chỗ của những vị thần đã ngự trị trước đây trong lòng dân Nhật. Người nông dân gặp khó khăn trong công việc đồng áng ư? Họ kêu cầu đến Bồ Tát Địa Tạng. Gặp lúc trời hạn hán không mưa? Lại phải nhờ đến oai lực của Bồ Tát Địa Tạng. Thậm chí gặp lúc đau mắt, nhức răng không biết chạy đi đâu người ta cũng phải chạy đến cầu sự

giúp đỡ của Ngài. Ngài trở thành vị Bồ Tát bảo vệ thôn làng trước họa binh đao, nước lửa; là người bảo vệ cho sản phụ mẹ tròn con vuông, kẻ bảo hộ cho những chiến sĩ được bình an trong trận mạc. Chưa hết, đến phút lâm chung, cũng chính Bồ Tát Địa Tạng là người đến tiếp dẫn họ đến cõi Tây phương Tịnh Độ của Phật A Di Đà, và chẳng may nếu một người nào đó gây nên những ác nghiệp xấu xa phải rơi vào chôn địa ngục, nếu biết ăn năn sám hối kêu cầu đến Ngài, Ngài cũng sẽ sẵn sàng lăn xả vào chốn địa ngục để đưa họ ra khỏi chỗ tối tăm...

Đề tán thán công năng cứu độ chúng sanh không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng, người dân Nhật đã tạo ra không biết bao nhiêu những truyện tích, huyền thoại để nói về Ngài. Với khuôn mặt dịu hiền khả ái và trên môi như luôn luôn điểm một nụ cười, hình ảnh của Ngài đã hoà nhập vào tất cả mọi nền nếp suy nghĩ, những lo âu trong cuộc sống đời thường của dân chúng Nhật Bản. Hình ảnh của Ngài làm người ta liên tưởng đến hình ảnh của một vị y sĩ vùng quê sẵn sàng có mặt bất cứ lúc nào cho bất cứ ai cần đến trong cơn đau đớn, sợ hãi, âu lo, hoạn nạn dù lớn hay nhỏ. Cho đến bây giờ, không phải chỉ ở vùng quê mà ngay tại những thành phố, kể cả những thành phố lớn đông đúc rộn rịp như Đông Kinh hay cố đô Kyoto, nếu bạn cần đến sự giúp đỡ của Bồ Tát Địa Tạng, có lẽ bạn cũng không cần phải đi đâu xa, bởi vì chỉ cách một vài góc phố, vài ngã tư đường người Nhật lại dựng lên một bàn thờ nhỏ thờ Bồ Tát Địa Tạng, mà trên đó là những bó hoa tươi thắm, những phẩm vật cúng dường đơn sơ nhưng chan chứa những tình cảm trân trọng: vài viên kẹo, dăm trái quýt, và đôi khi cả những chén rượu sake... Những bàn thờ này luôn luôn được chăm sóc sạch sẽ bởi cư dân địa phương, điều này đã nói lên những tình cảm tin tưởng trân quý của người Phật tử Nhật Bản luôn luôn hướng về Ngài. Ở những nơi thờ phượng lớn hơn, người ta còn thấy Phật tử dâng cúng lên Ngài những bộ áo quần trẻ con, những đôi giày, dép Nhật Bản, vì người ta tin tưởng rằng Bồ Tát Địa Tạng đã phải đi mòn không biết bao nhiêu là gót giày, tất bật tới lui không ngừng trên khắp nước Nhật để an ủi, săn sóc bất cứ những ai cần đến Ngài giúp đỡ. Đặc biệt khi người ta dâng cúng đến Ngài những bộ áo quần trẻ con là vì do niềm tin theo truyền thuyết, Ngài là người rất yêu thích trẻ con, là vị thần hộ mệnh của những trẻ thơ bất hạnh. Đây có thể nói là một trong những nét độc đáo, đầy ý nghĩa của Phật giáo Nhật Bản.

2. Bồ Tát Địa Tạng, Người Bảo Vệ Trẻ Con

Theo niềm tin tưởng rất lâu đời của Phật tử Nhật Bản kể từ thời Trung cổ thì Bồ Tát Địa Tạng rất thương yêu trẻ con và vì thế Ngài là vị Bồ Tát có một sứ mệnh rất đặc biệt là bảo vệ trẻ con. Chính vì vậy mà đa phần những hình tượng Bồ Tát Địa Tạng tại Nhật Bản đều mang một khuôn mặt trẻ thơ rất đáng yêu. Trong các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Đại thừa như Trung Hoa, Triều Tiên, Việt Nam, v.v.. chỉ có Nhật Bản là có truyền thống độc đáo này. Người ta không biết rõ niềm tin này được phát xuất từ đâu, có thể là bắt nguồn từ cuốn Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện. Theo một phẩm ở trong cuốn Kinh này thì vị qui thần trách nhiệm về sinh mệnh và tuổi thọ của con người, Chủ Mạng Quỷ Vương, cũng là một vị Bồ Tát do lòng từ hóa hiện, trong khi cùng với các vua Diêm La câu hỏi về cung trời Đao Lợi để nghe Phật thuyết pháp, đã bạch Phật:

“Người trong cõi Diêm Phù Đề lúc mới sanh, không luận là con trai hay con gái, khi sắp sanh ra chỉ nên làm việc phước lành thêm sự lợi ích cho nhà cửa, thời Thổ Địa vui mừng khôn xiết, ủng hộ cả mẹ lẫn con đều đặng nhiều sự an vui, hàng thân quyến cũng được phước lợi. Hoặc khi đã hạ sanh rồi, nên cẩn thận chớ có giết hại sanh vật để lấy những vị tươi ngon cung cấp cho người sản mẫu ăn, cùng nhóm họp cả cả hàng quyến thuộc lại để uống rượu ăn thịt, ca xang đờn sáo, nếu làm những việc trên đó có thể làm cho người mẹ đưa con chẳng đặng an vui.” (5)

Trong một đoạn kinh khác, khi tán thán về công năng và oai lực của Bồ Tát Địa Tạng, Phật đã tuyên thuyết cùng Bồ tát Phổ Quang:

“Lại vậy nữa, này Phổ Quang! Về trong thuở về sau này, nơi cõi Diêm Phù Đề, trong hàng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Trưởng Giả, Cư Sĩ, tất cả các hạng người, và những dân tộc giòng họ khác, như có người nào mới sanh đẻ hoặc con trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đưa trẻ mới sanh đó mà tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đưa trẻ mà niệm danh hiệu của Ngài Địa Tạng Bồ Tát đủ một muôn biến. Được vậy thời đứa trẻ hoặc trai hay là gái mới sanh ra đó, nếu đời trước nó có gây ra tội vạ chi cũng đặng thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ để nuôi, lại thêm được sống lâu. Còn như nó là đứa nương nơi phước lực mà thọ sanh, thời đời nó càng được an vui hơn cùng sống lâu hơn.” (6)

Chăm lo cho hạnh phúc trẻ thơ chưa đủ, Bồ Tát Địa Tạng còn chăm lo đến số phận của những trẻ thơ bất hạnh đã lìa đời ngay lúc còn thơ ấu, hoặc vì lý do nào đó đã chết khi đang còn là một bào thai ở trong bụng mẹ. Chết yểu, theo quan niệm của người Á Đông là một điều bất hạnh. Càng bất hạnh hơn nữa theo quan điểm Phật giáo là vì trẻ thơ chưa có ý niệm về sự sống, chết;

thể nên trong giai đoạn thân trung ấm, thần thức của chúng vẫn còn lảng vảng chung quanh những người thân yêu như cha mẹ anh chị em, không chịu rời bỏ căn phòng và ngôi nhà mà chúng đã từng sinh sống. Hàng ngày chúng tiếp xúc với họ, nói chuyện với họ và cảm thấy rất đau khổ vì những người thân yêu này hầu như không ai nghe lời chúng, không có vẻ gì quan tâm đến chúng cả. Chúng thật là cô đơn, buồn tủi và rất đáng tội nghiệp. Chúng ta đừng vội nghĩ một cách đơn giản rằng vì trẻ con ngây thơ trong trắng, trong đời chúng chưa hề gây ra một ác nghiệp nào nên khi chết là có thể được sanh về những cảnh giới tốt đẹp. Sự thật không phải như vậy. Điều này đã được Đức Thế Tôn giải thích một cách khá rõ ràng khi phản bác lập luận của một người ngoại đạo cho rằng, nếu một người nào đó, thân không làm những điều xấu ác, miệng không thốt những lời cay độc, không có những tác ý xấu xa, không kiếm sống bằng những nghề bất lương, người đó như thế đã hoàn tất những nỗ lực tu tập tinh thân cần thiết và trở thành một bậc thánh, một bậc giác ngộ trong kiếp sống này. Đức Thế Tôn đã phản bác rằng:

“Một hài nhi còn nằm nưã chưa hề có ý niệm thế nào là “thân” làm sao chúng có thể có những hành động xấu ác khi thân chỉ biết bò và lật? Một hài nhi còn nằm nưã ngay cả còn chưa biết “nói chuyện” thì làm sao có thể thốt ra được những lời cay độc khi miệng chỉ biết khóc nê?... [Chúng] không hề có ý niệm thế nào là “tác ý” thì làm sao có thể có những tác ý xấu xa? [Chúng] không hề có ý niệm thế nào là “nghề nghiệp sinh sống” thì làm sao chúng có thể hành nghề bất lương để kiếm sống ngoại trừ rúc vào vú mẹ? Nếu [tất cả những gì mà ông nói] như thế, thì một đũa hài nhi còn nằm nưã là một bậc thánh, và là [một bậc giác ngộ]. (7)

Như thế những linh hồn trẻ thơ này sẽ đi về đâu trong và sau giai đoạn thân trung ấm và Bồ Tát Địa Tạng làm thế nào để cứu giúp chúng?

Bên bờ sông Nại Hà

Theo sự tin tưởng của người Phật tử Nhật Bản, lứa tuổi trẻ con vì trí óc còn non nớt chưa phát triển nên không thể phân biệt được phải trái cũng như không thể thấu hiểu được những giáo lý của đạo Phật. Dĩ nhiên vì không thông hiểu giáo lý, chúng không thể tu tập để đạt đến giác ngộ - như đoạn kinh Phật đã giải thích ở trên- vì thế nên tuy ngây thơ vô tội, sau khi từ giả cõi đời chúng không thể sanh vào cảnh giới Phật, kể cả cảnh giới Tịnh Độ. Ngược lại chúng bị rơi vào cõi u minh mờ mịt. Huyền thoại Á Đông thường đề cập đến một giòng sông mà người chết trong giai đoạn thân trung ấm cần phải vượt qua, đó là sông Nại hà.

Theo truyền thuyết của Nhật Bản, những trẻ con yếu tử sau khi chết đều tụ tập ở bên bờ sông này. Do lòng thương nhớ khôn nguôi đến những người thân yêu, tại đây chúng nhặt những hòn đá cuội sắp xếp thành những ngôi nhà để tưởng nhớ đến cha mẹ, anh chị em. Khi hoàn tất xong một cái, chúng bảo rằng: “Cái nhà này là của mẹ, người bảo bọc tôi. Cái nhà này là của cha, người nắm tay tôi dẫn dắt tôi trên đường đời. Cái này là của anh, chị, em tôi...”

Một số huyền thoại cho rằng chính trong lúc này Bồ Tát Địa Tạng đã hiện ra để chơi với chúng, khuyến khích, tiếp tay xây dựng những ngôi nhà trẻ con này hầu giúp chúng tích lũy công đức để nhờ đó có thể vượt qua giòng sông Nại hà, trong khi chờ đợi chúng lớn khôn với đầy đủ trí phán đoán để có thể đi đầu thai sang kiếp khác. Tuy nhiên trong số những truyền thuyết này, cũng có chuyện đã kể lại một cách thương tâm và ghê rợn hơn. Truyện mô tả là không khí bên bờ sông Nại hà rất là đìu hiu và thê lương, trẻ con thì không ngớt khóc than vì không còn cha mẹ để nương tựa, bám víu. Trong lúc này một mù phù thủy độc ác tên là Datsuba với một con mắt cháy đỏ hung dữ hiện ra, lột hết áo quần của tất cả bọn chúng treo lên cành cây. Mù không ngớt nguyện rửa chúng là do chết yếu nên chúng đã không hoàn tất bổn phận của người con là phải săn sóc, giúp đỡ cha mẹ lúc cha mẹ già yếu. Để bù lại, mỗi ngày mù bắt chúng phải ở trần truồng xây những căn nhà bằng đá cuội như là một sự trừng phạt. Nhưng rồi cứ mỗi buổi chiều tối, khi những căn nhà đã sắp hoàn thành xong thì một bầy quỷ hung ác khác, đầu sừng răng nanh hiện ra, dùng gậy sắt đập phá hết tất cả những công trình xây dựng của bọn trẻ, miệng không ngừng la lối nạt nộ: “Khốn nạn cho tụi bây chết trước cha mẹ! Tụi bây đâu đã biết cầu nguyện là gì!!”

Chính lúc này thì Bồ Tát Địa Tạng hiện ra và bọn trẻ trong lúc đang kinh hoàng vội vàng chạy đến chui vào tảng bào của Ngài để tìm chỗ ẩn trốn. Những đứa nhỏ hơn vì chạy không kịp đến trễ thì vội đeo vào cánh tay hay thien trượng của Ngài. Bồ Tát Địa Tạng liền an ủi vỗ về chúng: “Không có gì các con phải sợ hãi cả. Từ đây ta là Mẹ là Cha của các con.” Bọn quỷ đã xúm lại đòi Bồ Tát Địa Tạng phải trao đám trẻ con lại cho chúng, nhưng Ngài đã dùng uy lực của mình phóng ra những vầng hào quang rực rỡ khiến bọn chúng đều khiếp sợ bỏ đi. Huyền thoại này của người Nhật đã mô tả lại những nỗi khổ đau mà ngay cả một đứa trẻ nhỏ bé ngây thơ vô tội cũng phải gánh chịu ở thế giới bên kia và chỉ có Bồ Tát Địa Tạng là người duy nhất đã cứu vớt những linh hồn bé nhỏ đó.

Người ta không biết nguồn gốc của huyền thoại về giòng sông Nại hà được phát xuất từ đâu. Có thể là bắt nguồn từ truyện Thập Điện Diêm Vương

trong các cuốn kinh Ngọc Lịch Minh Kinh của người Trung Hoa, xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ Tám, nói rõ chi tiết cuộc hành trình về bên kia cõi chết mà mỗi người phải trải qua. Theo niềm tin của người Trung Hoa thì trong tuần lễ thứ hai của giai đoạn thân trung âm, mỗi linh hồn đều phải vượt qua giòng sông Nại hà này. Có ba cách để đi qua sông. Người nhiều công đức thì thông dong đi qua cầu. Kẻ ít công đức hơn thì được phép lội qua ở chỗ cạn. Kẻ không có chút công đức nào lại mang nhiều tội ác thì phải lội qua con sông với giòng cuồng lưu chảy xiết đầy sóng to gió lớn. Đa số đều bị chết đuối. Những người vượt thoát qua được giòng sông Nại hà đều lần lượt tùy theo tội ác nặng nhẹ sẽ được Thập Điện Diêm vương phân xử, kết án và tống vào các cửa ngục. Đến cửa ngục thứ mười tức là cửa ngục cuối cùng, cũng là nơi mà tội nhân phải gánh chịu những hình phạt nặng nề nhất, Bồ Tát Địa Tạng xuất hiện xin với Diêm Vương cho tội nhân được giảm khinh. Bởi vì các vua Diêm Vương đều kính nể Bồ Tát Địa Tạng, thế nên nếu chỉ cần tìm ra một điểm tốt nhỏ nhất của tội nhân, vua Diêm Vương cũng nể lời Bồ Tát Địa Tạng sẵn sàng cho họ được hưởng án giảm khinh.

Chính vì tin tưởng vào giòng sông Nại hà này cũng như vào Bồ Tát Địa Tạng mà người Nhật Bản trong hàng thế kỷ qua đã xây dựng lên rất nhiều đền đài, lăng tẩm để thờ phượng Ngài dọc theo các bờ sông hay các ghềnh đá bên cạnh bờ biển, mà một địa điểm nổi tiếng là “Sai (Nại hà) no kawara of Numa no Uchi” được xây dựng từ thời Edo (Uế Thổ). Tại đây những người cha mẹ đau khổ vì mất con đã đến sắp xếp những mộ tháp bằng đá cuội, hoặc đặt vào đó những viên đá nhằm tưởng niệm những đứa con đã qua đời trước bức tượng của Bồ Tát Địa Tạng. Có nơi người ta sắp xếp hàng trăm bức tượng nhỏ khuôn mặt của Bồ Tát Địa Tạng cùng với đồ chơi trẻ con xen kẽ bên cạnh những hòn đá tưởng niệm. Lâu ngày, những mộ tháp càng lớn dần lên do những người tin tưởng đến viếng thăm bỏ thêm vào những viên đá, không phải chỉ để tưởng nhớ đến những đứa con thân yêu của mình mà cho cả những linh hồn của những trẻ thơ bất hạnh đã đi qua cõi đời này kể cả những trẻ đã chết ngay từ lúc chưa sinh.

Bồ Tát Địa Tạng, như đã nói ở trên, không phải chỉ là vị Bồ Tát bảo vệ trẻ con mà theo truyền thuyết của Nhật Bản, đặc biệt là dưới thời đại Heian, đã xuất hiện dưới hình dạng của một đứa trẻ. Triều đại Heian có thể được coi như là một triều đại đen tối trong lịch sử Nhật bản. Chiến tranh, xã hội rối loạn, tai ương và dịch bệnh lan tràn khắp nơi tạo nên bao thảm cảnh đau thương khôn khổ cho mọi người. Những tín đồ Phật tử thuần thành tin rằng đây là giai đoạn mạt pháp đã đến và trước những thảm cảnh này, may ra chỉ có những năng lực thần linh mới có thể cứu vãn được. Thế là người ta dốc

lòng tin tưởng vào năng lực cứu độ của Bồ Tát Địa Tạng, và câu chuyện đã được truyền tụng như sau:

Dưới triều đại của Hoàng đế Go-Ichido, bệnh đậu mùa bộc phát và lan tràn nhanh chóng. Lưỡi hái của tử thần đã cuốn đi không biết bao nhiêu là sinh mạng. Nó không chừa bỏ bất cứ ai, bất kể quan hay dân, người quý tộc hay kẻ bần hàn. Trước nỗi khổ đau lớn lao này của nhân sinh, với lòng từ bi vô lượng, một nhà sư tên Ninko không biết làm cách gì khác hơn là cầu nguyện đến sự giúp đỡ của Bồ Tát Địa Tạng. Đêm đó trong giấc mơ nhà sư Ninko trông thấy một đứa trẻ với khuôn mặt thanh tú xuất hiện, nói với ngài: “Nay thì nhà ngươi đã thấy rõ sự vô thường của kiếp sống”. “Vâng, những người tôi vừa mới gặp mới nói chuyện với họ hồi sáng đây, tối lại đã mất rồi. Ngay cả chúng ta đang hạnh phúc hôm nay nhưng ngày mai những khổ đau, thương tâm sẽ xảy đến. Không có gì là vĩnh cửu”, sư Ninko trả lời. Đứa trẻ mỉm cười: “Không có gì để phải than trách trước những đau thương của kiếp sống. Có lúc nào mà con người lại không có những khổ đau? Nếu một người muốn giải thoát khỏi những nỗi khổ đau, họ nên nghe theo những lời dạy của Bồ Tát Địa Tạng”.

Sư Ninko tỉnh giấc và vội vàng chạy đến tìm Kojo, nhà điêu khắc tượng nổi tiếng ở địa phương và nhờ ông ta đúc một pho tượng Bồ Tát Địa Tạng. Khi bức tượng hoàn thành, sư Ninko tổ chức một buổi lễ khánh thành và thuyết giảng một thời pháp về giáo lý và công năng của Bồ Tát Địa Tạng. Tăng chúng và quần chúng Phật tử hoàn toàn chuyển động bởi thời pháp này và hết lòng quy ngưỡng vào Bồ Tát Địa Tạng. Tất cả những người có mặt tại ngôi chùa, và tất cả những ai đến tham dự buổi lễ khánh thành này đều thoát qua khỏi kiếp nạn đậu mùa. Những kẻ kiêu hãnh, không tin tưởng đều bị cuốn đi trong cơn dịch bệnh này. Bệnh đậu mùa cũng đã chấm dứt không lâu sau đó, nhưng cư dân do lòng tin tưởng vì được cứu thoát trong tai ương vừa qua vẫn tiếp tục tôn sùng và thờ phượng Bồ Tát Địa Tạng.

Một câu chuyện nổi tiếng khác kể lại nỗi bất hạnh của một đứa trẻ lâm vào tình trạng mẹ ghẻ con chồng:

Nếu như trong kho tàng truyện cổ của Việt Nam, ta có chuyện Phạm Công - Cúc Hoa với bà kế mẫu Tào Thị như là một khuôn mẫu điển hình của những bà mẹ ghẻ độc ác nhất ở trên thế gian này thì Nhật Bản cũng có một câu chuyện tương tự như thế nhưng được lồng trong bối cảnh hành hoạt của vị Bồ Tát chuyên cứu độ những trẻ thơ bất hạnh, Địa Tạng. Truyện kể rằng khoảng một ngàn năm trước đây, tại một ngôi làng nhỏ tên là Anwa có một

người phụ nữ rất hiền lương mộ đạo, hết lòng sùng kính Bồ Tát Địa Tạng. Vì nhà nghèo cho nên bà luôn luôn ao ước và vẫn thường cầu nguyện làm sao có được một pho tượng Bồ Tát Địa Tạng để thờ phượng ở trong nhà. Một ngày nọ, trong khi đang giặt dũ ở giòng sông trước mặt nhà, bà nhặt được một pho tượng Địa Tạng bằng gỗ trôi tấp vào chỗ mình đang đứng. Xiết đôi vui mừng, bà vội vàng mang pho tượng về nhà và từ đó ngày hai buổi sớm tối công phu thờ lạy Ngài rất nghiêm chỉnh. Vì chưa có con thể nên mỗi lần cúng lạy bà cũng không quên khăn vái cùng với Bồ Tát Địa Tạng giúp cho bà có một đứa con trai. Không bao lâu quả nhiên bà thọ thai và sanh được một đứa con trai. Nhưng bất hạnh thay, khi đứa bé tròn bốn tuổi thì người mẹ lâm bạo bệnh và qua đời. Chẳng bao lâu sau đó thì người cha tục huyền với một người đàn bà khác. Bà này là một người rất hung dữ và độc ác và đứa con chồng thường xuyên là nạn nhân cho những cơn thịnh nộ của bà kể mẫu hung ác này.

Đứa bé ngay từ hồi nhỏ do đã chịu ảnh hưởng của mẹ trong việc thờ cúng Bồ Tát Địa Tạng, cho nên khi mẹ mất đi cũng không hề quên và xao lãng nghi lễ này, tuy nhiên do sợ bà mẹ ghẻ đánh chửi, nó đã phải làm trong âm thầm lén lút. Một hôm trong khi người cha có việc phải rời khỏi nhà đi ra tỉnh, nhân lúc bà mẹ ghẻ đang ngủ trưa, đứa bé vào bếp kiếm được một ít cơm nguội vội vàng đem dâng cúng lên bàn thờ của Bồ Tát Địa Tạng và mẹ mình. Quỳ trước bàn thờ, lòng nhớ thương mẹ không nguôi đã làm đứa bé bật khóc lên nức nở. Tiếng khóc của đứa trẻ làm bà mẹ ghẻ tỉnh giấc và khi trông thấy đứa trẻ đang cúng lạy mẹ nó, bà liền nổi cơn thịnh nộ và trong khi điên tiết lên vì giận dữ, bà đã túm lấy nó quẳng vào nồi cháo heo đang sôi sùng sục trên bếp lửa.

Trong lúc này người cha đang đi đường bỗng dừng cảm thấy lòng dạ bồn chồn nóng lên như lửa đốt khiến ông không thể cất bước được nữa và như có điều gì thúc dục buộc ông phải quay trở về nhà. Đến đầu làng, ông bỗng gặp một nhà sư cũng một đứa bé ở sau lưng đang than khóc thảm thiết, tiếng khóc nghe rất quen thuộc. Không nghi ngờ gì nữa, đó là tiếng khóc của chính con ông! Tuy vậy người cha vì chưa thấy mặt nên còn bán tín bán nghi hỏi nhà sư: “Thầy ơi, đứa trẻ nào đang khóc vậy?” Nhà sư trả lời: “Ta đã đổi mạng ta cho đứa trẻ này khi người mẹ ghẻ của nó đang tìm cách giết nó. Người hãy tìm kẻ nào đáng tin cậy để nuôi dưỡng và giáo dục đứa bé này.” Nói xong nhà sư trao đứa bé vào tay của người cha đang kinh hoàng run rẩy. Mang ơn nhà sư, người cha vội hỏi “Thưa Thầy, Thầy đang trú trì ở chùa nào?” Nhà sư trả lời “Ta ở gần đền thờ vua Thập Điện”, xong biến mất. Sau khi đem con gởi nhờ ở nhà ông bà nội, người cha quay trở về nhà và thấy bà

vợ đang ra sức đun củi vào bếp, trên đó là một nồi nước đầy nắp đang sôi. Thấy chồng xuất hiện bất ngờ, bà ta có vẻ bối rối và tìm cách dập tắt ngọn lửa. Anh ta liền hỏi vợ: “Thằng con tôi đâu rồi sao không thấy?” Bà vợ gian hùng lúc này bèn giả bộ đau thương, sụt sùi kể lể : “Thấy không có ông ở nhà, thằng nhỏ bỏ chạy ra chơi ở cạnh bờ sông không may sẩy chân rớt xuống sông, nước cuốn mất xác rồi.” Người chồng không nói gì vội tiến đến cạnh nồi nước và mở nắp ra. Nồi ở trên mặt nồi cháo heo đang sôi sùng sục là pho tượng của Bồ Tát Địa Tạng, pho tượng ở trên bàn thờ mà người vợ trước của ông đã thờ cúng hằng ngày! Bây giờ thì anh ta mới hiểu hết ý nghĩa lời của nhà sư nói “Ta đã đổi mạng ta” và biết rằng nhà sư mà ông vừa mới gặp không ai khác hơn chính là Bồ Tát Địa Tạng đã hóa hiện ra để cứu con mình. Chán nản trước tình đời, cảm động trước sự linh ứng nhiệm mầu của Bồ Tát Địa Tạng, người đàn ông xuống tóc đi tu và trở thành một nhà sư suốt đời tận tụy thờ phượng Bồ Tát Địa Tạng.

---o0o---

3. Bồ Tát Địa Tạng: Vì hạnh phúc của trẻ thơ!

Tháng Bảy là tháng của Bồ Tát Địa Tạng. Truyền thống Phật giáo Trung Hoa và Việt Nam đã chọn ngày Rằm tháng Bảy là ngày lễ Vu Lan và theo niềm tin tưởng của Phật tử Á Đông, đây cũng là ngày “Xá Tội Vong Nhân” ‘ tức là ngày các vua Diêm vương mở cửa ngục cho các hồn ma được thông thả rong chơi, hoặc những hồn ma đói khát có cơ hội được đi kiếm ăn sau một năm trời bị dày vò thiêu đốt bởi đói khát trong địa ngục. Trong khi đó Phật giáo Nhật Bản chọn ngày 24 tháng Bảy Âm lịch là ngày vía của Bồ Tát Địa Tạng và cũng là ngày lễ hội truyền thống của trẻ thơ. Đây là ngày hội dành cho trẻ em dưới mười ba tuổi cùng với những người lớn cùng tham dự để bày tỏ lòng biết ơn đến Bồ Tát Địa Tạng, cũng như nhắc nhở đến sứ mệnh thiêng liêng của Ngài là bảo vệ trẻ thơ vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của đời người.

Theo thông lệ, sáng ngày 24 một cái rạp được dựng lên trước đền thờ hay bức tượng của Bồ tát Địa Tạng. Nếu là một nơi dân cư đông đúc, ngôi nhà gần nhất cạnh đó sẽ được tăng cường thêm để có đủ chỗ cho lễ hội. Trong ngày này, bàn thờ và tôn tượng của Bồ Tát được lau chùi sạch sẽ, sau đó người ta quán những lá cờ hai màu đỏ trắng chung quanh tôn tượng của Ngài. Trước mỗi nhà, người ta treo những lồng đèn màu đỏ trên đó ghi giòng họ của mỗi gia đình. Những lồng đèn này sẽ được thắp sáng vào buổi

tôi tạo nên một màu hồng lung linh huyền ảo trong suốt các ngã đường trong đêm lễ hội.

Từ sáng sớm tinh mơ, dân chúng địa phương mang hoa quả, trà bánh, và nhang đèn đến để cúng lễ Bồ tát Địa Tạng. Sau đó trẻ con tụ hội và vui chơi ăn uống suốt ngày. Tối đến người ta tham dự những cuộc đốt pháo và ăn dưa hấu. Cha mẹ và trẻ con trong những bộ y phục kimono sặc sỡ cổ truyền cùng tham dự vui chơi và đây cũng là dịp giao tế làm nẩy nở tình thân giữa bà con xóm giềng ở trong vùng. Lễ hội “Jizo (Địa Tạng) bon” này cũng là dịp mà con trẻ tận hưởng những ngày hè tươi đẹp cuối cùng vì sau đó chúng bắt đầu trở lại trường học.

Tuy là một ngày hội dành cho thiếu nhi vui chơi nhưng Phật tử Nhật Bản đã biến dịp này thành một ngày lễ hội thấm đượm ý nghĩa tích cực của tôn giáo. Đây là một tập tục rất hay mà người Phật tử Việt Nam không thể không học tập. Ta đã có sẵn ngày Tết Nhi Đồng -tức là lễ Trung Thu- nhưng từ trước đến nay đây chỉ là ngày để cho trẻ con vui chơi thuần túy. Nhưng đâu có phải bất cứ trẻ thơ nào trên cõi đời này cũng có những niềm phúc được vui chơi như thế? Trong xã hội chúng ta, và trên thế giới này vẫn còn rất nhiều những trẻ thơ thiếu ăn thiếu mặc, sống lẩn lóc ở đầu đường xó chợ, suốt đời không hề được niềm phúc cắp sách đến trường. Có không biết bao nhiêu những trẻ thơ bị hành hạ, sách nhiễu (child abuse) đến thương tật hay mất mạng. Có những bé gái bất hạnh bị cha mẹ bán tiết trinh hay xô đẩy vào chôn lầu xanh để kiếm chút tiền nhỏ sống qua ngày. Và còn biết bao nhiêu thân phận của trẻ thơ bị vùi dập trong những cuộc chiến tang thương. Thế nên ngày Tết Trung Thu đối với người Phật tử Việt Nam, đặc biệt đối với những tổ chức thanh thiếu niên Phật tử, nên là ngày giáo dục cho trẻ thơ tinh thần Địa Tạng, nghĩa là dạy cho trẻ con tinh thần vị tha biết yêu thương, đùm bọc và chia sẻ, nhờ vậy khi lớn lên, hiểu được ý nghĩa của yêu thương, chúng sẽ không thể nào trở thành những người gieo rắc tai ương cho xã hội.

Chăm lo cho hạnh phúc của trẻ thơ chưa đủ, người Phật tử mang tinh thần Địa Tạng, mang sứ mệnh Địa Tạng còn phải biết cách chăm lo cho những linh hồn những trẻ thơ bất hạnh đã lìa đời ngay lúc còn thơ ấu, hoặc vì lý do nào đó đã chết khi đang còn là một bào thai ở trong bụng mẹ. Một trong những cách chăm lo tích cực nhất là ngăn ngừa tình trạng phá thai vì phá thai cũng là một tệ trạng xã hội. Để ngăn ngừa tình trạng nhân mãn, trên thế giới -đặc biệt là tại Trung quốc và Việt Nam- hàng năm đã có đến hàng triệu sinh mạng đã bị bóp chết ngay từ khi còn là một cái bào thai. Thế nhưng, đạo đức Phật giáo quan niệm như thế nào về vấn đề này?

Trong dịp viếng thăm Âu Châu hồi gần đây của Đức Đạt Lai Lạt Ma, khi tiếp xúc với những nhà trí thức phương Tây, một số nhà khoa học Pháp đã nêu lên câu hỏi: “Thưa Đức Đạt Lai Lạt Ma, **Ngài tin rằng vào thời điểm nào trong quá trình thụ thai của sinh vật bắt đầu hàm chứa những hạt mầm tinh thần hay dấu hiệu thiêng liêng của sự sống?**”

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã trả lời rằng:

“Phật giáo quan niệm rằng ý thức xâm nhập vào sinh vật ngay từ phút giây đầu tiên của sự thụ thai, bởi lẽ đó mà phôi bào vẫn được coi như là một sinh vật. Cho nên chúng tôi xem hành động phá thai cũng giống như việc cướp đi sự sống của một con người và dĩ nhiên đây không phải là một việc làm chánh đáng. (8)

Quan niệm này đã được Ngài khẳng định lại một lần nữa khi người ta nêu lên câu hỏi về vấn đề kiểm soát dân số:

Thưa Ngài, quan niệm của Ngài như thế nào về việc kiểm soát sinh sản và Ngài có ý kiến gì về việc phá thai?

Ngài đã trả lời như sau: “Để trả lời cho câu hỏi này tôi thường giải thích theo quan điểm của người Phật tử vốn quan niệm rằng đời sống của tất cả mọi loài chúng sanh, kể cả côn trùng sâu bọ và đặc biệt là con người, đều rất quý giá. Nếu nhìn vấn đề như thế thì tất cả mọi hình thức kiểm soát sinh sản đều cần phải được ngăn cấm. Tuy nhiên những sinh mạng quý giá đó nay đã đạt đến một số lượng đáng kể, thế nên chúng ta không thể không khẩn thiết kêu gọi mọi người phải quan tâm đến vấn đề hạn chế sinh sản một cách nghiêm túc, vì đó là phương cách duy nhất để hạn chế tình trạng gia tăng dân số. Như tôi đã từng đề cập, khi mà tài nguyên của trái đất đang khô kiệt dần, tôi chấp nhận chuyện hạn chế sinh sản một cách bất bạo động. Còn phá thai là một chuyện khác, đó là một hành động sát nhân. Truyền thống Giới Luật Phật giáo chỉ rõ rằng ta không được giết hại con người, cho dù đó là một bào thai. (9)

Trong tinh thần đó, cái chết của một bào thai vẫn được xem như là cái chết của một con người và cần có những nghi lễ xứng đáng. Đối với những người đã chết, Phật giáo chúng ta có nghi thức cầu siêu, nhưng nghi thức cầu siêu chưa nói lên hết ý nghĩa đặc biệt của những người chết trẻ, là đối tượng đặc biệt quan tâm của Bồ Tát Địa Tạng theo truyền thống Phật giáo Nhật Bản. Để tưởng niệm những trẻ thơ chết khi còn ở trong bụng mẹ (sẩy thai, phá thai,...) hoặc chỉ trải qua một vài năm ngắn ngủi của đời người, Phật giáo Nhật Bản có nghi lễ tôn thờ Địa Tạng Mizuko (Ấu Thủy) - mà hình tượng là

một nhà sư bồng một đứa trẻ ở trên tay và một hoặc hai đứa trẻ đang quấn quít dưới chân Ngài- vốn rất phổ thông trong đại chúng. Theo niềm tin tưởng từ lâu đời, người Nhật cho rằng mọi sinh vật đều được sinh ra từ lòng biển cả, kể cả đảo quốc và cư dân của đất Phù Tang, Âu Thủy (Mizuko) vì thế được dùng để diễn tả phôi bào của những sinh vật đang trôi nổi bồng trong một thế giới đầy nước, chờ đợi được sinh ra đời. Trước thế kỷ thứ 20, tỉ lệ tử suất của trẻ con ở Nhật Bản ở một mức độ rất cao, có không đến 50% trẻ em sống sót đến 5 - 7 tuổi. Tuy nhiên đây không phải là lý do chính để người Nhật tạo ra biểu tượng Địa Tạng Mizuko mà truyền thống nghi lễ này chỉ mới hình thành trong khoảng thập niên 1960, khi dân Nhật trải qua một thời kỳ khó khăn về kinh tế, hậu quả của Đệ Nhị Thế Chiến. Trong điều kiện này, chính phủ Nhật Bản khuyến khích mỗi gia đình lý tưởng chỉ nên có hai con và phá thai vì thế là một trong những biện pháp được sử dụng hợp pháp để đạt đến chỉ tiêu này.

Nghi lễ tưởng niệm trẻ thơ phôi hợp với tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng của truyền thống Phật giáo Nhật Bản đã được Ni sư Jan Chozen Bays Roshi (10) du nhập vào Hoa Kỳ, canh cải theo một mô thức thích hợp với con người, thời đại và quốc độ rất đáng được cho chúng ta lưu ý. Là một Bác sĩ Nhi Khoa, thợ Tỳ kheo giới năm 1979 theo một dòng Thiền Nhật Bản, Ni sư Chozen là một nữ tăng sĩ tiên phong người Hoa Kỳ mang tinh thần Địa Tạng thể nhập vào cuộc sống đời thường, áp dụng vào lãnh vực bảo vệ và chăm sóc các trẻ em bị sách nhiễu (child abuse) tại Portland, bang Oregon (HK) trong suốt hai mươi lăm năm qua, đồng thời với tư cách là một Tu viện trưởng một Trung tâm Thiền học, Bà đã tổ chức những buổi lễ tưởng niệm cho thân nhân những người mất mát con em của họ theo một nghi thức mà những người ngoài Phật giáo cũng có thể tham dự được, theo một kiểu mẫu và trình tự như sau:

Địa điểm

Địa điểm hành lễ là những khuôn viên có thờ tôn tượng của Bồ Tát Địa Tạng, nơi mà hình tượng của Ngài cũng như các vật tưởng niệm được bảo quản không bị hư hại bởi bất cứ thời tiết nào và là nơi mà sau này thân nhân có thể dễ dàng đến thăm viếng và tỉnh tọa để tưởng nhớ đến con em mình.

Những Người Tham Dự

Nghi lễ chỉ dành cho thân quyến và những Phật tử tham dự buổi lễ. Không chấp nhận phóng viên ngoại trừ họ là Phật tử và tham dự buổi lễ từ đầu chí

cuối. Tính cách tế nhị, riêng tư của người tham dự được tuyệt đối tôn trọng và do đó không cho phép chụp hình.

Chủ Trì Buổi Lễ

Vì đây là lễ tang -hay là lễ tưởng niệm- theo truyền thống Phật giáo, ít nhất phải có một Tăng sĩ Phật giáo -tốt nhất là có hai vị- chủ trì buổi lễ. Vị tăng sĩ chủ trì này nên là người có kinh nghiệm và được huấn luyện để có thể thích nghi với những buổi lễ đông đảo tang quyến của nhiều gia đình khác nhau cùng tham dự.

Chuẩn Bị Cho Buổi Lễ

Nên có một phòng riêng để cho tang quyến chuẩn bị những gì cần thiết trước cho buổi lễ, nơi mà thân nhân có thể an ủi lẫn nhau cũng như hoàn tất những phẩm vật tưởng niệm. Đây cũng là nơi mà người tham dự có thể nghỉ ngơi, dùng trà, cà phê... sau buổi lễ.

Giới Thiệu Nghi Lễ

Người trách nhiệm tổ chức cũng nên thông báo một vài chi tiết ngắn gọn về những gì sẽ xảy ra trong buổi lễ, kể cả những yêu cầu chung mà những người tham dự nên chấp hành. Tốt hơn hết là chương trình về buổi lễ nên được in sẵn và phát ra cho tất cả những người tham dự. Sự tích của Bồ Tát Địa Tạng và ý nghĩa của buổi lễ cũng nên được giới thiệu trong chương trình nghi lễ này.

NGHI THỨC TIẾN HÀNH TƯỞNG NIỆM

Vị Chủ Lễ:

Luật nhân quả không ngừng diễn tiến
Thực tại xuất hiện dưới mọi dạng thể hình
Nếu như bất cứ ai hiểu rõ định luật này
Sẽ tự giải phóng mình ra khỏi mọi khổ đau.

Tất cả chúng sanh xuất hiện trên thế gian này, vốn từ Nhất Thể
Rồi sẽ đi qua cõi đời này trong một vài giây phút hay tháng năm ngắn ngủi
Để trở về lại Bản Thể Uyên Nguyên từ lúc chưa sinh

Cuộc đời chúng ta chỉ là những đợt sóng cồn
Trong đại dương của Bản Thể Chân Như
Vốn không sanh và không diệt

Hôm nay chúng ta tụ hội cùng nhau ở đây để tưởng niệm đến những con em của chúng ta vừa mới qua đời cũng như để bày tỏ và chia sẻ niềm yêu thương và hỗ trợ đến cha mẹ, thân quyến và bằng hữu của tất cả tang quyến.

Tất Cả Cùng Đọc:

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (1 lần);
Kinh Từ Bi (1 lần);
Chú Địa Tạng: OM. HA-HA-HA-VIS-MA-YE. SVA-HA (9 lần)

Vị Chủ Lễ:

Bản Thể Chân Như bàng bạc khắp tận cùng Vũ trụ
Đang hiện hữu cùng chúng ta tại đây, ngay tại phút giây này.
Bằng cách tụng đọc Tâm Kinh, Từ Bi Kinh và Địa Tạng Thần Chú chúng ta dâng lời nguyện cầu đến:

(Tên và pháp danh những trẻ em vừa qua đời)
Cùng tất cả pháp giới chúng sanh trong lục đạo luân hồi
Cầu cho ánh sáng của đạo màu xuyên qua bóng tối của vô minh
Cầu cho mọi nghiệp lực bị xóa tan để đóa tâm hoa bừng nở trong mùa Xuân vĩnh cửu
Cầu cho tất cả chúng ta cùng nhau tu tập, đạo quả viên thành

Tất Cả Cùng Đọc:

NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRÚ TAM BẢO.
NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.
NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ TÁT MA HA TÁT.
NAM MÔ ĐẠI NGUYỆN ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT MA HA TÁT.

Chấm Dứt Buổi Lễ.

OM. HA-HA-HA-VIS-MA-YE. SVA-HA.

Tâm Hà Lê Công Đa

(*) Một phần nội dung của bài viết được rút ra từ tác phẩm: “Jizo Bodhisattva, Modern Healing & Traditional Buddhist Practice”, Jan Chozens Bays, Tuttle Publishing, 2002.

CHÚ THÍCH:

(1) *Thiền sư Taigu Ryokan (1758-1831) là một nhà thơ nổi tiếng rất được yêu thích trong văn học Nhật Bản. Ông cũng là một nhà sư nghèo nổi tiếng, sống đạm bạc trong một túp lều tại một vùng quê đầy tuyết phủ. Hàng ngày đi vào làng khát thực, đám trẻ con trong làng thường chạy theo ông và ông cũng đùa giỡn, chơi trò vật lộn với chúng một cách hồn nhiên. Bài thơ sau đây đã mô tả một khung cảnh như thế:*

*“Trời xanh cao và nắng chói chang
Với chiếc áo màu xanh thắm tươi, tạo vật đón chào ngày Xuân mới
Ôm chiếc bình bát trên tay tôi thả bộ vào làng
Đám trẻ đang chơi đùa trước cổng chùa dừng tay nhìn tôi mời gọi
Tôi đứng lại cởi chiếc túi vải treo lên cành cây
Đặt chiếc bình bát trên mỏm hòn đá trắng
Chuyến khát thực của tôi chấm dứt tại đây
Khi dừng lại và thay phiên nhau chơi trò ném banh với chúng
Khách qua đường dừng chân, cười, chỉ chỗ :
“Sao lại chơi đùa như con nít thế kia!”
Tôi im lặng cúi đầu chào họ
Bởi giải thích đâu chắc gì có ai đã hiểu
Rằng chẳng có gì ngoài phút giây đang hiện hữu này đây.”*

Tất cả những thư họa, vật dụng... của nhà thơ nay còn được lưu giữ tại Bảo tàng viện Ryokan, tại Izumozaki.

(2) *Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện, Phẩm Thứ Mười Hai, “Thấy Nghe Được Lợi Ích”, Bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh.*

(3) *Xem “Jizo Bodhisattva, Modern Healing & Traditional Buddhist Practice”, Jan Chozens Bays, Tuttle Publishing, 2002. P. 95.*

(4) *Tam Giai Giáo do Đại sư Tín Hành (540-594) khai sáng với hoài bão đem Phật pháp để truyền bá sâu rộng trong dân gian, phù hợp với thời cơ và quốc độ. Gọi là Tam Giai Giáo vì ngài Tín Hành đem giáo pháp của đạo Phật chia làm ba bậc: Nhất thừa, Tam thừa và Phả pháp. Ba bậc này tương ứng với ba thời là Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Nay chúng sinh đang ở trong thời Mạt pháp, phải nương nhờ vào “Phả pháp giáo” để tu hành mới có thể thoát vòng sinh tử.*

- (5) *Kinh Địa Tạng Bốn Nguyên, Phẩm Thứ Tám, “Các Vua Diêm La Khen Ngợi”, Bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh.*
- (6) *Kinh Địa Tạng Bốn Nguyên, Phẩm Thứ Sáu, “Như Lai Tán Thán”, Bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh.*
- (7) *Xem “Jizo Bodhisattva, Modern Healing & Traditional Buddhist Practice”, Jan Chozens Bays, Tuttle Publishing, 2002. P. 73.*
- (8) *Beyond Dogma, HH the Dalai Lama. Rupa & Co., 1996. P. 11.*
- (9) *Beyond Dogma, HH the Dalai Lama .Rupa & Co., 1996. P. 43.*
- (10) *Ni sư Jan Chozen Bays Roshi tốt nghiệp Đại học Y Khoa San Diego, CA, 1972, hiện là Tu viện trưởng Larch Mountain Zen Center, Portland, Oregon.*

---o0o---
HẾT